

**HƯỚNG DẪN**  
**về công tác quy hoạch cán bộ**

-----

Thực hiện Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ (*sau đây viết tắt là Quy định 50*) và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung công tác quy hoạch cán bộ (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn 16*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn, làm rõ thêm một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. Quán triệt**

1. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiên cứu kỹ và quán triệt nghiêm túc, sâu sắc Quy định 50, Hướng dẫn 16 và Hướng dẫn này cho toàn thể cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Trên cơ sở tổng kết công tác quy hoạch cán bộ của các nhiệm kỳ trước (giai đoạn trước), các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục phát huy những mặt ưu điểm, tích cực và khắc phục những mặt hạn chế, chưa tốt trong công tác quy hoạch cán bộ nhằm đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới trực thuộc triển khai thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ.

2. Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ cho nhiệm kỳ kế tiếp phải gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với công tác tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 được quy định trong Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 442-CV/TU ngày 09/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện một số nội dung Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XX về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

**II. Hướng dẫn, làm rõ thêm một số nội dung khi xây dựng quy hoạch cán bộ**

**1. Đối với việc quy hoạch cấp ủy cấp huyện và tương đương, quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý**

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch (hoặc đề án) thông qua tập thể lãnh đạo để tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031 đối với chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, lấy quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy làm cơ

sở để quy hoạch các chức danh chủ chốt của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nhiệm kỳ tiếp theo.

Nội dung kế hoạch (hoặc đề án) phải thể hiện rõ tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, số lượng, cơ cấu cán bộ cần quy hoạch và quy trình, thời gian, tiến độ thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy.

Đối tượng 1 của quy hoạch ban chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: Các đồng chí giữ chức vụ cấp phó các ban, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố và tương đương mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch chức danh cấp trưởng tương ứng.

## **2. Đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ**

Căn cứ Quy định 50, Hướng dẫn 16, Hướng dẫn này và đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị, các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã được phân cấp quản lý cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, cụ thể hoá đối tượng, cơ cấu, số lượng, quy trình thực hiện công tác quy hoạch cán bộ cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định 50, Hướng dẫn 16 và Hướng dẫn này.

### **3. Về tiêu chuẩn, điều kiện**

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng Hướng dẫn 16. Đối với cán bộ quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, cơ bản phải đạt tiêu chuẩn theo Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Quy định số 244-QĐ/TU ngày 14/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Đối với tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý và tiêu chuẩn phải kinh qua chức danh chủ chốt cấp dưới thực hiện theo Hướng dẫn 16.

- Đối với ngạch công chức, viên chức được vận dụng như sau:

+ *Đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và có quy định giữ ngạch Chuyên viên chính và tương đương:* Cán bộ được đề nghị quy hoạch phải bảo đảm tiêu chuẩn ngạch Chuyên viên chính và tương đương hoặc đủ điều kiện để dự thi nâng ngạch (xét thăng hạng) Chuyên viên chính và tương đương theo quy định hiện hành.

+ *Đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và không quy định giữ ngạch Chuyên viên chính và tương đương:* Cán bộ được đề nghị quy hoạch phải giữ ngạch Chuyên viên hoặc tương đương.

#### **4. Thời điểm tính tuổi quy hoạch**

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng Quy định 50, Hướng dẫn 16 và Hướng dẫn này.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức. Những đơn vị, địa phương đã thực hiện quy hoạch cán bộ cho Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội sẽ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ đến<sup>1</sup> thì giữ nguyên quy hoạch đã phê duyệt và tiến hành rà soát, bổ sung nhân sự quy hoạch theo đúng quy trình hiện nay. Tuổi quy hoạch tính theo tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ. Những cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện quy hoạch, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn thời điểm tính tuổi quy hoạch theo phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

#### **5. Về hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch**

##### **5.1. Về hệ số, số lượng**

- Khi xây dựng quy hoạch lần đầu cho cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp của nhiệm kỳ 2025 - 2030 và nhiệm kỳ kế tiếp, không nhất thiết phải bảo đảm ngay hệ số từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định nhưng ít nhất phải đạt hệ số từ 0,7 trở lên. Tiếp tục, qua các lần rà soát, bổ sung quy hoạch ở những năm tiếp theo, cần xem xét bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển để đến khi làm quy trình giới thiệu nhân sự đại hội các cấp phải bảo đảm hệ số từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý không nhất thiết quy hoạch đủ 03 người cho 01 chức danh nếu nhân sự chưa bảo đảm. Tuy nhiên, phải rà soát, bổ sung để bảo đảm ít nhất 02 người cho 01 chức danh trước khi thực hiện quy trình lựa chọn nhân sự để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

##### **5.2. Về cơ cấu**

*a. Về cơ cấu cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp tỉnh, cấp huyện*

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt và thực hiện nghiêm yêu cầu về cơ cấu quy hoạch, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp được nêu trong Quy định 50; đồng thời, phải có sự kết hợp chặt chẽ, thống nhất giữa công tác quy hoạch cán bộ với mục tiêu, nguyên tắc tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 được quy định trong Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nhấn mạnh một số nội dung sau:

<sup>1</sup> Ủy ban MTTQ nhiệm kỳ 2024 - 2029, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- *Về cơ cấu cán bộ nữ*: Chú trọng tăng cường tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp hướng đến phân đầu mục tiêu 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030<sup>2</sup>. Đối với các ngành, cơ quan, đơn vị có số lượng công chức, viên chức, người làm việc là nữ đạt từ 30% trở lên, nhất thiết phải có cán bộ nữ quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- *Về cơ cấu cán bộ trẻ*: Mỗi cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, mỗi huyện và tương đương phải có quy hoạch ít nhất 15% cán bộ trẻ dưới 40 tuổi có trong quy hoạch cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị; ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; thường trực cấp ủy cấp huyện hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

- *Về cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số*:

+ Các cơ quan cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh nhất thiết phải có cán bộ là người dân tộc thiểu số quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

+ Đối với các cơ quan: Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh phải có cán bộ người dân tộc thiểu số được quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ trở lên; trường hợp không có nguồn tại chỗ thì sẽ bổ sung nguồn nhân sự từ nơi khác.

+ Đối với các huyện miền núi, cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số phải bám sát Đề án tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 442-CV/TU ngày 09/6/2021 về triển khai thực hiện một số nội dung Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XX về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

*b. Về cơ cấu cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp xã và tương đương*

Giao ban thường vụ cấp ủy các huyện, thị xã, thành phố và tương đương cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương nhưng không trái với quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong quá trình triển khai thực hiện có nội dung vướng mắc, khó khăn đề nghị kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để có ý kiến chỉ đạo, giải quyết.

*c. Về cơ cấu 03 độ tuổi*

- *Cơ cấu độ tuổi trong quy hoạch cấp ủy*: Ngoài cơ cấu cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) trong quy hoạch cấp ủy theo quy định từ 15% trở lên; cơ cấu các độ tuổi còn lại phải có tính cân đối, giãn cách ít nhất 01 nhiệm kỳ (60 tháng) nhằm bảo đảm tính kế thừa, chuyển tiếp vững vàng giữa các thế hệ cán bộ.

<sup>2</sup> Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”, có quy định “Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030”.

- *Cơ cấu độ tuổi trong quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý:* Phải bảo đảm tính kế thừa, giãn cách ít nhất 01 nhiệm kỳ (60 tháng).

*d. Về các cơ cấu khác*

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khi xây dựng quy hoạch và phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý phải quan tâm, chú trọng tính cân đối, hài hòa về cơ cấu ngành, lĩnh vực trong cơ cấu lãnh đạo theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tránh trường hợp quy hoạch quá nhiều cán bộ ở ngành, lĩnh vực này nhưng lại không có nguồn cán bộ quy hoạch ở ngành, lĩnh vực khác. Trong các sở đa ngành, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có đại diện chuyên môn từng lĩnh vực chủ yếu. Các địa phương căn cứ vào cơ cấu phát triển kinh tế chủ đạo của địa phương mình để quy hoạch cán bộ lãnh đạo chủ chốt có chuyên môn ở lĩnh vực đó. Ví dụ: Các huyện có kinh tế nông nghiệp là chủ đạo phải có cán bộ lãnh đạo được đào tạo chuyên ngành về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thành phố và thị xã nhất thiết phải có cán bộ lãnh đạo được đào tạo chuyên sâu về quản lý và phát triển đô thị.

**5.3. Một số lưu ý chung khi thực hiện công tác quy hoạch cán bộ**

- Nhân sự được đề nghị quy hoạch phải được ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền thẩm định, kết luận về tiêu chuẩn chính trị trước khi phê duyệt quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Quy hoạch cán bộ là căn cứ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm của từng đồng chí cấp ủy viên, nhất là người đứng đầu trong việc giới thiệu tiến cử nguồn quy hoạch, người thay thế mình và chịu trách nhiệm về nhân sự tiến cử.

- Hằng năm, khi thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch là người có tài năng, thành tích trong hoạt động công vụ, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số để hướng đến bảo đảm hệ số, số lượng quy hoạch theo quy định.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ và quản lý quy hoạch cán bộ.

**6. Về đối tượng, quy trình (có các phụ lục kèm theo).**

Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo các ngành, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục cụ thể hóa cho các đối tượng cán bộ quy hoạch các chức danh theo phân cấp quản lý.

**7. Về thời gian hoàn thành và gửi hồ sơ nhân sự để thẩm định, phê duyệt quy hoạch**

- Hồ sơ quy hoạch thực hiện theo Phụ lục 3 của Quy định 50, mỗi cá nhân được đề nghị quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý gửi 03 bộ hồ sơ (*Lưu ý: Về sơ yếu lý lịch thực hiện theo mẫu 2a và 2c của BTCTW đối với*

*các đồng chí lần đầu được quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; đối với các đồng chí đã được quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kết luận về tiêu chuẩn chính trị, chỉ bổ sung mẫu 2c của BTCTW).*

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ tiếp theo ở cấp mình quản lý và báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch; gửi hồ sơ nhân sự đề nghị quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **31/5/2022** để Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt.

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các tổ chức đảng có liên quan thẩm định nhân sự được đề nghị quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch; theo dõi, giám sát, kiểm tra, kịp thời xem xét xử lý các trường hợp vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ.

Hướng dẫn này có phụ lục kèm theo, có hiệu lực ngay khi ban hành và thay thế những quy định trước đây của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch cán bộ không còn phù hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có nội dung nào vướng mắc, đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**Nơi nhận:**

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (b/c),
- Vụ Địa phương các Ban đảng Trung ương (b/c),
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp của tỉnh,
- Ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Ban tổ chức các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- PCVP Tỉnh ủy, Phòng Tổng hợp,
- Các phòng: TC-CB, ĐP, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**PHỤ LỤC 01**  
**ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH**  
**DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ**

*(kèm theo Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**I. Quy hoạch chức danh bí thư huyện ủy, Thị ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, giám đốc sở và tương đương**

**1. Đối tượng 1:** Phó bí thư huyện ủy, Thị ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành; cấp phó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các chức danh khác thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; chi cục trưởng và tương đương; trưởng các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; các chức danh lãnh đạo, quản lý khác có phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên (*không tính chức danh cấp phó được giao phụ trách hoặc “Quyền”*).

Các đồng chí này phải có quy hoạch chức danh đối tượng 01 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

**II. Quy hoạch chức danh phó bí thư huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, phó giám đốc sở và tương đương**

**1. Đối tượng 1:** Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; chi cục trưởng và tương đương; trưởng các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; các chức danh lãnh đạo, quản lý khác có phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên (*không tính chức danh cấp phó được giao phụ trách hoặc “Quyền”*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thị xã, thành phố, Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; cấp trưởng các phòng,

ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp huyện; bí thư cấp ủy cơ sở, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn; phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh có phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên.

Các đồng chí này phải có trong quy hoạch chức danh đối tượng 01 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

---



**PHỤ LỤC 02**  
**ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ,**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ,**  
**ĐẢNG BỘ KHỐI CƠ QUAN VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH**  
*(kèm theo Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh*  
*ủy)*

-----

**I. Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố, Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh**

**1. Đối tượng 1:** Cấp trưởng; cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng; trừ cấp phó: Ban Tổ chức (Cơ quan Tổ chức - Nội vụ), Ủy ban Kiểm tra (Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra), Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và cấp phó được xác định có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng*); cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương; bí thư, phó bí thư cấp ủy của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng bộ huyện, thị xã, thành phố và Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp xã và tương đương; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các đồng chí này phải có trong quy hoạch chức danh đối tượng 01 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

**II. Quy hoạch ban thường vụ các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh**

**1. Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thị xã, thành phố và Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

**2. Đối tượng 2:** Cấp trưởng; cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương; bí thư, phó bí thư cấp ủy của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh được quy hoạch chức danh bí thư.

Các đồng chí này phải có trong quy hoạch chức danh đối tượng 01 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

**PHỤ LỤC 03**  
**QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO,**  
**QUẢN LÝ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ**  
*(kèm theo Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**I. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ**

**1. Bước 1:** Xây dựng kế hoạch (*hoặc Đề án*) triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch (*hoặc Đề án*) triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

**2. Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch (*hoặc Đề án*) triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh là ban thường vụ cấp ủy.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn).

**3. Bước 3:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là ban chấp hành đảng bộ huyện, thị xã, thành phố; trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, thị xã, thành phố (*bao gồm cả các cơ quan trực thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn và sinh hoạt đảng tại địa phương*); bí thư, phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Đối với Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh là ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, chủ tịch Hội Cựu chiến binh Khối, Bí thư Đoàn thanh niên Khối.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); trưởng, phó phòng, ban và tương đương trở lên; giám đốc, phó giám đốc các đơn vị trực thuộc; cấp ủy viên chi bộ, ban thường vụ cấp ủy đảng bộ cơ quan, chủ tịch công đoàn cơ quan (những nơi có công đoàn ngành mời chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn ngành); trưởng các đoàn thể cơ quan.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **4. Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

##### (1) Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp là ban chấp hành đảng bộ.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là ban cán sự đảng; đảng đoàn; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); trưởng phòng ban và tương đương trở lên; cấp ủy viên chi bộ, ban thường vụ cấp ủy đảng bộ cơ quan.

- Đối với tổ chức bầu cử là ban chấp hành. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phần tham dự hội nghị như các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

#### **5. Bước 5:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 3 và Bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

## II. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

### 1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 2 và Bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

### 2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ

quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) **Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị lập quy hoạch gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

\* **Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt. Trường hợp các hội nghị có số thành viên triệu tập ít hơn 10 người thì phải có mặt đầy đủ các thành viên tham dự.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại Bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở Bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

**PHỤ LỤC 04**  
**THỜI ĐIỂM TÍNH TUỔI QUY HOẠCH CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC**  
**VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2024 - 2029; LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH**  
**VÀ HỘI NÔNG DÂN TỈNH NHIỆM KỲ 2023 - 2028**  
*(kèm theo Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

**1. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2024 - 2029<sup>3</sup>**

- *Đối với cấp xã:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/3/2024 (nam sinh tháng 3/1967 và nữ sinh tháng 5/1971 trở lại đây).

- *Đối với cấp huyện:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/5/2024 (nam sinh tháng 5/1967 và nữ sinh tháng 5/1971 trở lại đây).

- *Đối với cấp tỉnh:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/7/2024 (nam sinh tháng 7/1967 và nữ sinh tháng 7/1971 trở lại đây).

**2. Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2023 - 2028<sup>4</sup>**

- *Đối với cấp xã:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/12/2022 (nam sinh tháng 3/1966 và nữ sinh tháng 8/1970 trở lại đây).

- *Đối với cấp huyện:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/3/2023 (nam sinh tháng 4/1966 và nữ sinh tháng 9/1970 trở lại đây).

- *Đối với cấp tỉnh:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/6/2023 (nam sinh tháng 6/1966 và nữ sinh tháng 10/1970 trở lại đây).

**3. Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2023 - 2028<sup>5</sup>**

- *Đối với cấp xã:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/4/2023 (nam sinh tháng 4/1966 và nữ sinh tháng 9/1970 trở lại đây).

- *Đối với cấp huyện:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/6/2023 (nam sinh tháng 6/1966 và nữ sinh tháng 10/1970 trở lại đây).

- *Đối với cấp tỉnh:* Thời điểm tính tuổi quy hoạch cán bộ ngày 01/9/2023 (nam sinh tháng 9/1966 và nữ sinh tháng 01/1971 trở lại đây).

<sup>3</sup>Kế thừa Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 04/01/2018 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024 “*Thời gian tiến hành Đại hội Mặt trận ở cấp xã hoàn thành trong quý I/2019; cấp huyện hoàn thành trong tháng 5/2019; cấp tỉnh hoàn thành trong tháng 7/2019*”.

<sup>4</sup>Kế thừa Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 17/11/2016 của Ban Bí thư về lãnh đạo đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, nhiệm kỳ 2018-2023 “*Thời gian tiến hành Đại hội công đoàn cấp cơ sở, cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cấp tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương, công đoàn Tổng Công ty thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiến hành từ quý III/2017 đến hết quý II/2018*”; Kế hoạch số 52-KH/TLĐ ngày 28/11/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tổ chức đại hội công đoàn các cấp và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, nhiệm kỳ 2018-2023 quy định: Đại hội công đoàn cấp cơ sở hoàn thành trước ngày 31/12/2017. Đại hội công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành trước ngày 31/3/2018. Đại hội công đoàn cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 30/6/2018.

<sup>5</sup>Kế thừa Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 02/11/2016 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2018 - 2023 “*Thời gian tiến hành đại hội nông dân cấp cơ sở và cấp huyện hoàn thành trong quý II/2018, đại hội hội nông dân cấp tỉnh hoàn thành trong quý III/2018*”. Kế hoạch số 190-KH/HNDTW ngày 12/01/2017 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về tổ chức Đại hội nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2018-2023 quy định: Đại hội cấp cơ sở: Thời gian hoàn thành chậm nhất vào giữa quý II/2018. Đại hội cấp huyện, thời gian hoàn thành trong quý II/2018. Đại hội cấp tỉnh: Thời gian hoàn thành trong quý III/2018.